



Số: 01934/2026/PKQ (NT/2605.604-604)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP Tổng công ty đầu tư phát triển công nghiệp Phúc Lộc

Địa chỉ: Lô C2, KCN Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

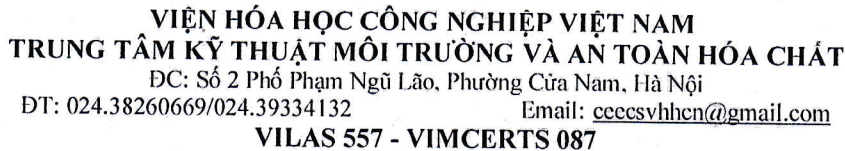
Địa điểm quan trắc: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phúc Sơn - KCN Phúc Sơn, phường Đông Hoa Lư và phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Tên mẫu	NT/2605.604 - Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (X: 2236379,4, Y: 603516,3)
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	29/05/2026
Người bàn giao mẫu	Nguyễn Thế Dương
Thời gian thử nghiệm	29/05/2026 – 10/06/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT	QCĐP 01:2020/ NB
					Cột A-Cmax (Kq=0,9, Kf=1,0)	Giá trị C
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	29,2	40	40
2	Màu ^(b)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	16	50	50
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,0	6 - 9	6 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	6,5	27	22,95
5	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16,8	67,5	57,375
6	Chất rắn lơ lửng ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	10	45	38,25
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	0,045	0,03825
8	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0002	0,0045	0,00383
9	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	0,09	0,0765
10	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0002	0,045	0,03825
11	Crom tổng (Cr) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,019	-	-
12	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,05	1,8	1,53
13	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,02	2,7	2,295
14	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	0,18	0,153
15	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,02	0,45	0,3825
16	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,03	0,9	0,765
17	Tổng xianua (CN ⁻) ^(b)	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,001	0,063	0,05355
18	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	0,09	0,0765
19	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	1,2 (LOQ=3)	4,5	3,825
20	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	1 (LOQ=3)	-	-
21	Tổng nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,9	18	15,3
22	Tổng photpho (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,41	3,6	3,06
23	Clorua ^(b)	mg/L	TCVN 6194:1996	290	450	382,5
24	Tổng coliform ^(b)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2023	320	3.000	3.000

510.01.10 Lấn ban hành: 01 Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT	QCĐP 01:2020/ NB
					Cột A-Cmax (Kq=0,9, Kf=1,0)	Giá trị C
25	DO (Ôxy hoà tan) (c)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,2	-	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp;
- QCVN 01:2020/NB: QCVN 01:2020/NB;
- Cột A- C_{max} ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$): Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.
- C là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp.
- $K_q = 0,9$ ứng với lưu lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải có $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$.
- $K_f = 1,0$ ứng với lưu lượng nguồn thải $50 < F \leq 5000 \text{ m}^3/24\text{h}$;
- Giá trị C: QCVN 01:2020/NB: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Ninh Bình. $K_I = 0,9$; $K_f = 1,0$; $K_{NB} = 0,85$;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định;
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vmcerts 087;
- ^(c): Chỉ tiêu làm theo yêu cầu khách hàng.
- Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng.

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI LẬP PHIẾU

CÁN BỘ QA/QC

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
PGĐ. TRUNG TÂM



Trịnh Thị Huế

Phy 66

Nguyễn Thị Cúc



Th.S Nguyễn Thanh Bình

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
 2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
 3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm